|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN  **TRƯỜNG MẦM NON BẮC CẦU** |  |

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ**

**Thực hiện phong trào “Hành động vì nhà trường xanh – sạch – đẹp –văn minh – hạnh phúc” trong các trường học trên địa bàn quận Long Biên năm 2021**

| **STT** | **Tiêu chí** | **Điểm tối đa** | **Trường đánh giá** | **UBND Quận đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền:** | | **10 điểm** | **10** |  |
|  | Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện phong trào “Hành động vì nhà trường xanh - sạch - đẹp - văn minh - hạnh phúc” (1 điểm), phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm (1 điểm). Xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp (1 điểm) | 3 | 3 |  |
|  | Có lịch kiểm tra và tổ chức kiểm tra tại đơn vị, lưu biên bản (2 điểm); có biện pháp, tiền độ khẳc phục những tồn tại, hạn chế (1 điểm). (Không tổ chức kiểm tra đủ theo lịch hoặc không rõ biện pháp, tiến độ khắc phục tồn tại trừ 1 điểm/lần) | 3 | 3 |  |
|  | * Viết tin, bài đăng trên Cổng thông tin điện tử của các nhà trường (1 điểm); tuyên truyền phát thanh trong các giờ ra chơi hoặc cuối giờ học; tuyên truyền thông qua tổ chức Hội nghị, các tiết dạy chuyên đề; các tiết Hoạt động tập thể, treo băng rôn - khẩu hiệu...(l điểm) * Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các buổi tập huấn phòng chống tai nạn thương tích trẻ em, phòng chông dịch bệnh ... và triển khai hiệu quả tại nhà trường (l điểm) * Tích cực tham gia các cuộc thi có nội dung liên quan đến phong trào (ví dụ: “Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng”', Chương trình bình chọn mô hình tiêu biêu về bảo vệ thiên nhiên, môi trường trong học đường; Nét đẹp văn hóa công sở...) (1 điểm) | 4 | 4 |  |
| **II. Đảm bảo trường học “xanh”:** | | **10 điểm** | **10** |  |
|  | Trên cơ sở điều kiện thực tế của địa phương và hiện trạng kiến trúc tổng thể của nhà trường, trồng thêm hoặc thay thế và chăm sóc cây xanh có bóng mát, bố trí phù hợp với vị trí trong sân trường, vườn trường.  *(Mỗi cây xanh có bóng mát không được chăm sóc hoặc thay thế kịp thời trừ 2 điểm)* | 2 | 2 |  |
|  | Trồng thêm các loại cây cảnh (2 điểm), thảm cỏ, đường viền (1 điểm), cây hoa, chậu hoa (2 điểm) theo mùa trong sân trường, vườn trường, hành lang…  *(Tùy theo điều kiện thực tế từng trường, nếu không phù hợp trồng thêm thảm cỏ, đường viền có thể thay thế bằng cây cảnh, cây hoa, chậu hoa đảm bảo mĩ quan chung không trừ điểm nội dung này)* | 5 | 5 |  |
|  | Việc trồng cây trang trí, cây hoa, cây cảnh đảm bảo an toàn (1 điểm), đảm bảo vệ sinh môi trường và mĩ quan chung của trường (1 điểm). Duy trì chăm sóc, cắt tỉa cây xanh, cây tiểu cảnh, tại các bồn hoa, vườn hoa trong khuôn viên nhà trường (1 điểm). | 3 | 3 |  |
| **III. Đảm bảo trường học “sạch”:** | | **20 điểm** | **20** |  |
|  | Đủ nước uống đạt tiêu chuẩn, hợp vệ sinh cho CBGVNV-HS hàng ngày (1 điểm); Đủ nước sạch cho CBGVNV-HS rửa mặt, rửa tay trước khi vào lớp, trước - sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh (1 điểm). (1 lần trong năm xảy ra tình trạng nước uống không đạt tiêu chuẩn, không hợp vệ sinh trừ 1 điểm; không đủ nước sạch cho CBGVNV-HS sử dụng theo quy định trừ 1 điểm/khu vực/lần) | 2 | 2 |  |
|  | Học sinh có ý thức bảo vệ môi trường, chăm sóc cây xanh, vệ sinh các đồ dùng cá nhân (1 diêm); Lớp học và các phòng học bộ môn sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp (1 điểm); với CBGVNV: sắp xếp bàn ghế, đồ dùng, thiết bị của các phòng làm việc, phòng chức năng gọn gàng, khoa học (1 điểm). Tổng vệ sinh hàng tuần tại khuôn viên nhà trường (1 điểm). (Ị lớp học chưa sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp trừ 0,5 điểm; 1 phòng làm việc chưa được sắp xếp gọn gàng, khoa học trừ 0,5 diêm). | 4 | 4 |  |
|  | Thùng rác có nắp đậy, để ở vị trí thuận lợi cho HS sử dụng (1 điểm); thực hiện đổ rác đúng giờ, đúng nơi quy định, 100% rác thải sinh hoạt được thu gom, vận chuyên trong ngày (1 điểm). Công rãnh có nắp đậy an toàn; không có hố nước đọng gây ô nhiễm môi trường và côn trùng sinh sản; thường xuyên xử lí cống rãnh ngầm tránh mùi hôi (1 điểm).  (Thùng rác không có nắp đậy, không được vệ sinh sạch sẽ hoặc còn để ở trong lớp trừ 0,5 điểm/thùng; 100% rác thải sinh hoạt không được thu gom, vận chuyển trong ngày trừ 1điểm). | 3 | 3 |  |
|  | Sắp xếp bố trí hợp lí về thời gian, vị trí sân chơi, bãi tập, phòng học, phòng làm việc, giờ học, giờ ra chơi, thời gian chuyển tiết, tan học... đảm bảo cho hoạt động dạy học và sinh hoạt của nhà trường diễn ra một cách thuận lợi, hiệu quả. | 1 | 1 |  |
|  | Xây dựng nhà vệ sinh thân thiện: Nhà vệ sinh thoáng mát, đủ ánh sáng (1 điểm), đủ nước (1 điểm), giấy vệ sinh (1 điểm), xà phòng rửa tay (1 điểm) và lối đi sạch sẽ, sàn không ướt (1 điểm). Hố tiêu đáp ứng đủ cho số lượng HS sử dụng, không có mùi hôi (1 điểm). Chọn trồng một số cây cảnh xung quanh để tạo cảm giác nhẹ nhàng (1 điểm). Chọn hình ảnh (1 điểm), âm thanh tuyên truyền (2 điểm): cấp TH, THCS với tất cả các khu vệ sinh: cấp MN với khu vệ sinh chung để giáo dục ý thức sử dụng, bảo quản khu vệ sinh cho CBGVNV-HS. | 10 | 10 |  |
| **IV. Đảm bảo trường học “đẹp”:** | | **15 điểm** | **15** |  |
|  | Các phương tiện của CBGVNV-HS (1 điểm) và khách đến trường (1 điểm) được sắp xếp gọn gàng, đúng theo quy định. | 2 | 2 |  |
|  | Chỉnh trang, làm mới mặt tiền nhà trường (2 điểm). | 2 | 2 |  |
|  | Trồng hoa, rải sỏi làm đẹp các gốc cây trong khuôn viên nhà trường (1 điểm). | 1 | 1 |  |
|  | Trang trí lớp học thân thiện, sáng tạo, phát triển hứng thú cho HS yêu trường, yêu lớp, có ý thức giữ gìn trường lớp sạch đẹp và học tập tích cực (2 điểm).  *(Mỗi lớp học không được trang trí hoặc trang trí không phù hợp lứa tuổi trừ 0.5 điểm)* | 2 | 2 |  |
|  | Giáo dục HS có ý thức bảo vệ cơ sở vật chất: không leo trèo, viết vẽ bẩn lên bàn ghế (1.5 điểm), tường (1.5 điểm), lan can (1 điểm); khuôn viên nhà trường được bố trí khoa học, nghệ thuật (1 điểm); bảo quản, sử dụng đồ dùng trong lớp (2 điểm) và của nhà trường (1 điểm) hiệu quả.  *(HS viết, vẽ bẩn lên bàn ghế, tường trừ 0.5 điểm / lớp - khu vực. Đồ dùng trong lớp không được sắp xếp gọn gàng trừ 0.5 điểm/lớp)* | 8 | 8 |  |
| **V. Đảm bảo trường học “văn minh”:** | | **15 điểm** | **15** |  |
|  | Lớp học và các phòng bộ môn, phòng chức năng có đủ ánh sáng (1 điểm); đủ bàn ghế theo quy định (1 điểm)  *(Phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng có bóng điện hỏng chưa thay thế kịp thời trừ 0.5 điểm/phòng)* | 2 | 2 |  |
|  | Rà soát, hoàn thiện, ban hành và triển khai bộ quy tắc ứng xử theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Thành phố Hà Nội; các chuẩn mực văn hóa, hệ giá trị cốt lõi để sử dụng tại nhà trường (theo nội dung kế hoạch 335/KH-UBND ngày 25/9/2020 của UBND quận Long Biên về thực hiện đề án “xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2020-2025”). | 1 | 1 |  |
|  | Trang trí băng rôn, khẩu hiệu đúng thời điểm với các nội dung mang tính giáo dục cao, phù hợp với văn hóa giáo dục của địa phương ở các vị trí trung tâm của trường. | 1 | 1 |  |
|  | Thực hiện “Quy tắc ứng xử nơi công cộng" trên địa bàn thành phổ Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định sổ 1665/OĐ-ƯBND ngày 10/3/20ỉ7 của ƯBND thành phố Hà Nội), trọng tâm là các nội dung sau:   * GV hiểu và chia sẻ với hoàn cảnh của HS, quan tâm, gần gũi, giúp đỡ các em, thường xuyên sử dụng các biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực phù hợp tâm sinh lí lứa tuổi học sinh (1 điểm). HS với HS đoàn kết, không phân biệt giới tính, dân tộc, hoàn cảnh (1 điểm). CBGVNV ứng xử lịch thiêp, thân thiện, nhã nhặn, đúng mực (1 điểm). Không khí học tập, lao động thân thiện; mọi thành viên trong trường học, lóp học được yêu thương, được tôn trọng và được đảm bảo an toàn. (1 điểm)   CBGVNV-HS tự giác chấp hành luật giao thông, có thái độ hành vi ứng xử văn minh thân thiện khi tham gia giao thông (1 điểm). | 5 | 5 |  |
|  | Thực hiện “ Quy tắc ứng xử cùa cán hộ công chức, viên chức, người lao động " trong các cơ quan thuộc thành phố Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của ƯBND thành phố Hà Nội) và Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Giảo dục và Đcio tạo han hành quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trọng tâm là các nội dung sau:   * Trang phục của CBGVNV-HS gọn gàng, lịch sự, màu sắc hài hòa. Đồng phục CBGVNV, HS có thể thực hiện theo một số ngày, theo mùa; được CMHS và nhân dân đồng tình ủng hộ (1 điểm). * Thực hiện các biện pháp phòng chống tác hại thuốc lá; không hút thuốc lá tại cơ quan, phòng làm việc (1 điểm) * Không có hành vi quấy rối người khác dưới mọi hình thức như lời nói, hành động, cử chỉ, tin nhắn, môi trường mạng... (1 điểm). Không tham gia, xúc giục, kích động hoặc bao che các hành vi vi phạm pháp luật của người khác (1 điểm). * Giao tiếp, làm việc với người dân bằng thái độ niềm nờ, tận tình, trách nhiệm; không gây căng thẳng, bức xúc, dọa nạt người dân (1 điểm). * Nghiêm túc nhận lỗi, nhận khuyết điểm, thành khẩn tự phê bình, rút kinh nghiệm khi để xảy ra sai sót (1 điểm). | 6 | 6 |  |
| **VI. Xây dựng “trường học hạnh phúc”** | | **30** | **29** |  |
|  | ***1.Môi trường nhà trường và phát triển cá nhân*** | **10** | **10** |  |
|  | Không xảy ra các hiện tượng vi phạm đạo đức nhà giáo và bạo lực học đường. (Có hiện tượng vi phạm đạo đức nhà giáo hoặc bạo lực học đường trừ 2 điểm/lần) | 2 | 2 |  |
|  | Tất cả các vị trí trong nhà trường và ngoài cổng trường không gây mất an toàn cho học sinh. (Một vị trí không, an toàn trừ 1 điêm) | 2 | 2 |  |
|  | 100% HS thực hiện tốt những quy định của nhà trường về nề nếp kỉ luật. (Kém 1% trừ 0,25 điếm) | 1 | 1 |  |
|  | Chăm sóc học sinh bán trú theo nhu cầu và phục vụ tại căng tin của nhà trường (nếu có) đảm bảo an toàn, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm - với cấp TH, THCS (2 điểm); dinh dưỡng tốt - với cấp MN (2 điểm): Tỉ lệ chất P-L-G cân đối theo quy định (sồ tính khẩu phần ăn): 0,5 điêm. Sô sách nuôi dưỡng ghi chép cập nhật theo quy định: 0,5 điểm. Sử dụng phần mềm đê xây dựng thực đơn; thực đơn khoa học (đa dạng thực phẩm, không trùng lặp các ngày trong tuần...): 0,5 điểm. Kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, riêng biệt: 0,5 điểm | 2 | 2 |  |
|  | 100% học sinh có hoàn cảnh đặc biệt (về tinh thần, sức khỏe, kinh tế) đều được quan tâm, chia sẻ, động viên và hỗ trợ. (Thiếu 1 em trừ 1 điểm) | 1 | 1 |  |
|  | Nhà trường thực hiện tốt Quy chế dân chù cơ sở, nội dung đối thoại tại cơ sở giáo dục (thực hiện theo điều 17 Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT). Có đơn thư vượt cấp xác minh đúng trừ 2 điểm/lần | 2 | 2 |  |
|  | ***2. Dạy và học*** | **10** | **10** |  |
|  | Thực hiện phân công nhiệm vụ cho CBGVNV-HS trong trường công bằng, hợp lí, công khai, minh bạch đáp ứng khung năng lực vị trí việc làm và phù hợp với điều kiện, năng lực cá nhân. | 1 | 1 |  |
|  | Mọi hoạt động liên quan đến dạy và học, đến công tác quản lí đều được bàn bạc, cởi mở, lắng nghe, thấu hiểu và đối thoại tích cực. (có minh chứng) | 1 | 1 |  |
|  | Hoàn thành kế hoạch tổ chức các chuyên đề chuyên môn của trường (tính đến thời điểm kiểm tra). | 1 | 1 |  |
|  | Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy, giáo dục học sinh (hoặc chăm sóc trẻ Mầm non) | 1 | 1 |  |
|  | Thực hiện đúng quy định về giao bài tập về nhà và kiểm tra, đánh giá học sinh. | 1 | 1 |  |
|  | 100% học sinh tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng lực cá nhân. (Kém 1% trừ 0,25 điểm) | 1 | 1 |  |
|  | Thành lập và duy trì mô hình “Các trường học cùng nhau phát triển” hoặc các nhóm “Nhà giáo cùng phát triển” ngay từ các tồ chuyên môn để có thể hỗ trợ nhau khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. | 1 | 1 |  |
|  | Thực hiện các nội dung giáo dục nếp sống thanh lịch - văn minh, kĩ năng sống (1 điểm), giáo dục an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích (1 điểm), phòng chống bạo lực học đường (1 điểm)... phù hợp mục tiêu giáo dục. | 3 | 3 |  |
|  | 1. ***Các mối quan hệ trong và ngoài nhà trường*** | **10** | **9** |  |
|  | Đảm bảo đoàn kết nội bộ, không có trường hợp CBGVNV bức xúc, căng thẳng dẫn đến có ý kiến phản ánh lên các cấp quản lí. | 2 | 2 |  |
|  | CMHS không phản hồi tiêu cực làm ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa nhà trường và gia đình, ảnh hưởng đến uy tín giáo dục của nhà trường và thầy cô giáo. (Bộ chỉ sổ đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với trường học và các minh chứng khác) | 2 | 2 |  |
|  | Phối hợp tốt với địa phương và các lực lượng liên quan trong công tác giáo dục học sinh (Bộ chỉ số đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với trường học và các minh chứng khác) | 2 | 2 |  |
|  | Nhà trường có bài viết hoặc gương điển hình về người tốt, việc tốt (1 điểm), được Quận khen thưởng (1 điểm). | 2 | 1 |  |
|  | Tạo điều kiện cho CBGVNV nhà trường thực hiện kế hoạch bồi dường để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. | 2 | 2 |  |
| **Tổng số điểm** | | **100 điểm** | **99 điểm** |  |

**Nhà trường tự đánh giá : 99 điểm Đạt mức: 1**

**UBND Quận đánh giá: điểm Đạt mức:…..**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**  **Đỗ Thị Huyền** |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |
| --- |
|  |

|  |
| --- |
|  |

*(Ghi chú: Các nội dung không gợi ý thêm cứ 1 lần vi phạm trừ hết điểm của nội dung đó)*

**\* Tổng hợp:**

Các trường được xét công nhận danh hiệu “nhà trường xanh – sạch – đẹp – văn minh”theo 3 mức:

- Mức 1: Đạt 98 điểm trở lên

- Mức 2: Đạt 95 đến dưới 98 điểm

- Mức 3: Đạt 90 đến dưới 95 điểm

**\* Các văn bản quy định:**

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8793: 2011 về thiết kế trường tiểu học

- Thông tư liên tịch 13/2016/BYT-BGDĐT Quy định công tác y tế trường học

- Nghị định 64/2010 của Chính phủ về quản lí cây xanh đô thị

- Kế hoạch số 174 -KH/QU ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Quận ủy Long Biên triển khai thực hiện chủ đề “Hành động vì một Lon Biên Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh”

- Nhiệm vụ năm học và các văn bản hướng dẫn, các kế hoạch công tác trong năm.